**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ**
**DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

Mã số/ Ref. No: 00800.KLV/2026/PKQ (26.4053)

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

*TEST REPORT*

**1. Tên khách hàng/** *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**

**2. Địa điểm lấy mẫu/** *Sampling location*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP LỐP RADIAL - Xưởng Radial: Thửa Đất số 154, Tờ Bản Đồ số 59, Khu Phố Uyên Hưng 7, Phường Tân Uyên, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**3. Loại mẫu/** *Type of sample*: Không khí môi trường làm việc

**4. Thông tin mẫu/** *Sample information*:

| **Mã số mẫu/** *Sample code* | **Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/** *Sampling locations* | **Tọa độ/** *Coordinate* |
|---|---|---|
| **26.4053.KLV.01** | Khu vực xưởng luyện - tầng trệt | X=1226787, Y=611597 |
| **26.4053.KLV.02** | Khu vực bán thành phẩm - đầu chuyền | X=1226753, Y=611690 |
| **26.4053.KLV.03** | Khu vực bán thành phẩm - cuối chuyền | X=1226763, Y=611735 |
| **26.4053.KLV.04** | Khu vực xưởng thành hình | X=1226827, Y=611826 |
| **26.4053.KLV.05** | Khu vực xưởng lưu hóa | X=1226877, Y=611903 |
| **26.4053.KLV.06** | Khu vực xưởng luyện - tầng 1 | X=1226783, Y=611617 |

**5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu)** /*Sample date (Sample receipt)*: 16/06/2026

**6. Ngày trả kết quả/** *Returning results date*: 15/07/2026

**7. Bảng kết quả/** *Results table*

- **Bảng 1/** *Table 1:*

| **STT/** *No.* | **Thông số/** *Parameters* | **Đơn vị/** *Unit* | **Phương pháp thử nghiệm/** *Testing methods* | **Kết quả/** *Testing result* | | | **QCVN Không khí KVLV** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | **26.4053. KLV.01** | **26.4053. KLV.02** | **26.4053. KLV.03** | **STEL** |
| 1 | Bụi toàn phần | $mg/m^3$ | QCVN 02:2019/BYT | 0,476 | 0,312 | 0,387 | **8**(1) |
| 2 | $NO_2$ | $mg/m^3$ | TCVN 6137:2009 | 0,061 | 0,059 | 0,058 | **10**(2) |
| 3 | $SO_2$ | $mg/m^3$ | TCVN 5971:1995 | 0,058 | 0,057 | 0,056 | **10**(2) |
| 4 | $H_2S$ | $mg/m^3$ | MASA 701 | KPH (MDL=0,004) | KPH (MDL=0,004) | KPH (MDL=0,004) | **15**(2) |
| 5 | $NH_3$ | $mg/m^3$ | MASA 401 | KPH (MDL=0,006) | KPH (MDL=0,006) | KPH (MDL=0,006) | **25**(2) |
| 6 | CO | $mg/m^3$ | SOP-H16 | < 9 | < 9 | < 9 | **40**(2) |
| 7 | Mercaptan (tính theo Methyl Mercaptan) | $mg/m^3$ | ASTM D2913-20 | KPH (MDL=0,011) | KPH (MDL=0,011) | KPH (MDL=0,011) | **2**(3) |

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ**
**DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Nhiệt độ | °C | TCVN 5508:2009 | 31,5 | 31,7 | 31,5 | **18 ÷ 32**(4) |
| 9 | Tiếng ồn | dBA | TCVN 7878-2:2018 | 80,4 | 81,8 | 75,6 | **85**(5) |

- **Bảng 2/** *Table 2:*

| **STT/** *No.* | **Thông số/** *Parameters* | **Đơn vị/** *Unit* | **Phương pháp thử nghiệm/** *Testing methods* | **Kết quả/** *Testing result* | | | **QCVN Không khí KVLV** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | **26.4053. KLV.04** | **26.4053. KLV.05** | **26.4053. KLV.06** | **STEL** |
| 1 | Bụi toàn phần | $mg/m^3$ | QCVN 02:2019/BYT | 0,354 | 0,356 | 0,382 | **8**(1) |
| 2 | $NO_2$ | $mg/m^3$ | TCVN 6137:2009 | 0,058 | 0,057 | 0,06 | **10**(2) |
| 3 | $SO_2$ | $mg/m^3$ | TCVN 5971:1995 | 0,056 | 0,056 | 0,058 | **10**(2) |
| 4 | $H_2S$ | $mg/m^3$ | MASA 701 | KPH (MDL=0,004) | KPH (MDL=0,004) | KPH (MDL=0,004) | **15**(2) |
| 5 | $NH_3$ | $mg/m^3$ | MASA 401 | KPH (MDL=0,006) | KPH (MDL=0,006) | KPH (MDL=0,006) | **25**(2) |
| 6 | CO | $mg/m^3$ | SOP-H16 | < 9 | < 9 | < 9 | **40**(2) |
| 7 | Mercaptan (tính theo Methyl Mercaptan) | $mg/m^3$ | ASTM D2913-20 | KPH (MDL=0,011) | KPH (MDL=0,011) | KPH (MDL=0,011) | **2**(3) |
| 8 | Nhiệt độ | °C | TCVN 5508:2009 | 26,5 | 31,9 | 31,8 | **18 ÷ 32**(4) |
| 9 | Tiếng ồn | dBA | TCVN 7878-2:2018 | 83,4 | 79,3 | 74,8 | **85**(5) |

**Chú thích/** *Remarks:*
1. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ *Not detected*
2. (1): QCVN 02: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)
3. (2): QCVN 03: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
4. (3): QĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động
5. (4): QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
6. (5): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2026*

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**
*Supervised by*

**NGUYỄN CHÍ NHÃ**

**GIÁM ĐỐC**
*Director*

**ĐOÀN THỊ THỦY**

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ**
**DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0909 210 925 - 0947 879 866 / Hotline: 0971 846 393 (zalo)
Website: giamsatmoitruong.com.vn/ Email: mtdaiphu@gmail.com

VIMCERTS 292

Mã số/ Ref. No: 05580/2026/PKQ (26.4053)

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

*TEST REPORT*

**1. Tên khách hàng/** *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**

**2. Địa điểm lấy mẫu/** *Sampling location*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP LỐP RADIAL - Xưởng Radial: Thửa Đất số 154, Tờ Bản Đồ số 59, Khu Phố Uyên Hưng 7, Phường Tân Uyên, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**3. Loại mẫu/** *Type of sample*: Khí thải

**4. Thông tin mẫu/** *Sample information*:

| **Mã số mẫu/** *Sample code* | **Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/** *Sampling locations* | **Tọa độ/** *Coordinate* |
|---|---|---|
| **26.4053.KT.01** | Khí thải xưởng luyện (K255) | X=1226783, Y=611617 |
| **26.4053.KT.02** | Khí thải xưởng luyện (F305) | X=1226749, Y=611579 |
| **26.4053.KT.03** | Khí thải xưởng luyện (F440) | X=1226739, Y=611584 |
| **26.4053.KT.04** | Khí thải Xưởng luyện (F400) | X=1226730, Y=611588 |

**5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu)** */Sample date (Sample receipt)*: 16/06/2026

**6. Ngày trả kết quả/** *Returning results date*: 15/07/2026

**7. Bảng kết quả/** *Results table*

- **Bảng 1/** *Table 1:*

| **STT/** *No.* | **Thông số/** *Parameters* | **Đơn vị/** *Unit* | **Phương pháp thử nghiệm/** *Testing methods* | **Kết quả/** *Testing result* | | **QCVN 19:2009/ BTNMT** | **QCVN 20:2009/ BTNMT** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | **26.4053. KT.01** | **26.4053. KT.02** | **Cmax(1)** | **Nồng độ tối đa(2)** |
| 1 | $NH_3$(c) | $mg/Nm^3$ | JIS K 0099:2020 | KPH (MDL=0,05) | KPH (MDL=0,05) | **36** | - |
| 2 | Lưu Lượng(a) | $Nm^3/h$ | US EPA Method 2 | 4.945 | 4.937 | - | - |
| 3 | Tổng bụi (PM)(a) | $mg/Nm^3$ | US EPA Method 5 | 48 | 57 | **144** | - |
| 4 | $H_2S$(a) | $mg/Nm^3$ | JIS K 0108:2010 | <1,5 | KPH (MDL=0,5) | **5,4** | - |
| 5 | Methyl mercaptan(c) | $\mu g/Nm^3$ | PD CEN/TS 13649:2014 | <0,007 | <0,007 | - | **15** |

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ**
**DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0909 210 925 - 0947 879 866 / Hotline: 0971 846 393 (zalo)
Website: giamsatmoitruong.com.vn/ Email: mtdaiphu@gmail.com

VIMCERTS 292

- **Bảng 2/** *Table 2:*

| STT/ *No.* | Thông số/ *Parameters* | Đơn vị/ *Unit* | Phương pháp thử nghiệm/ *Testing methods* | Kết quả/ *Testing result* | | QCVN 19:2009/ BTNMT | QCVN 20:2009/ BTNMT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | 26.4053. KT.03 | 26.4053. KT.04 | Cmax(1) | Nồng độ tối đa(2) |
| 1 | $NH_3$(c) | $mg/Nm^3$ | JIS K 0099:2020 | KPH (MDL=0,05) | KPH (MDL=0,05) | 36 | - |
| 2 | Lưu Lượng(a) | $Nm^3/h$ | US EPA Method 2 | 5.477 | 5.670 | - | - |
| 3 | Tổng bụi (PM)(a) | $mg/Nm^3$ | US EPA Method 5 | 50 | 45 | 144 | - |
| 4 | $H_2S$(a) | $mg/Nm^3$ | JIS K 0108:2010 | <1,5 | <1,5 | 5,4 | - |
| 5 | Methyl mercaptan(c) | $\mu g/Nm^3$ | PD CEN/TS 13649:2014 | <0,007 | <0,007 | - | 15 |

**Chú thích/** *Remarks:*
1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
2. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ *The parameters sent to subcontractors.*
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ *Not detected*
"-": Không quy định
4. (1): Cột B, $K_p$=0,9; $K_v$=0,8: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải 20.000 < P ≤ 100.000 và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.
5. (2): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2026*

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**
*Supervised by*

**NGUYỄN CHÍ NHÃ**

**GIÁM ĐỐC**
*Director*

M.S.D.N:0316800274-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**ĐOÀN THỊ THỦY**

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ**
**DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0909 210 925 - 0947 879 866 / Hotline: 0971 846 393 (zalo)
Website: giamsatmoitruong.com.vn/ Email: mtdaiphu@gmail.com

VIMCERTS 292

Mã số/ Ref. No: 05575/2026/PKQ (26.4054)

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

*TEST REPORT*

**1. Tên khách hàng/** *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**

**2. Địa điểm lấy mẫu/** *Sampling location*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP LỐP RADIAL - Xưởng Bias: Thửa Đất số 154, Tờ Bản Đồ số 59, Khu Phố Uyên Hưng 7, Phường Tân Uyên, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**3. Loại mẫu/** *Type of sample*: Khí thải

**4. Thông tin mẫu/** *Sample information*:

| **Mã số mẫu/** *Sample code* | **Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/** *Sampling locations* | **Tọa độ/** *Coordinate* |
|---|---|---|
| **26.4054.KT.01** | Khí thải hệ thống XLKT lò hơi | X=1226566, Y=0611881 |
| **26.4054.KT.02** | Khí thải tại xưởng sản xuất (hệ thống H2S) | X=1226542, Y=0611740 |

**5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu)** */Sample date (Sample receipt)*: 16/06/2026

**6. Ngày trả kết quả/** *Returning results date*: 15/07/2026

**7. Bảng kết quả/** *Results table*

| **STT/** *No.* | **Thông số/** *Parameters* | **Đơn vị/** *Unit* | **Phương pháp thử nghiệm/** *Testing methods* | **Kết quả/** *Testing result* | | **QCVN 19:2009/ BTNMT** | **QCVN 20:2009/ BTNMT** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | **26.4054. KT.01** | **26.4054. KT.02** | **Cmax(1)** | **Nồng độ tối đa(2)** |
| 1 | $NH_3$(c) | $mg/Nm^3$ | JIS K 0099:2020 | - | KPH (MDL=0,05) | **36** | - |
| 2 | Lưu Lượng(a) | $Nm^3/h$ | US EPA Method 2 | 7.499 | 4.913 | - | - |
| 3 | $NO_x$ (Tính theo $NO_2$)(a) | $mg/Nm^3$ | HDCV/LM-82 | 223 | - | **612** | - |
| 4 | CO(a) | $mg/Nm^3$ | HDCV/LM-82 | 458 | - | **720** | - |
| 5 | $SO_2$(a) | $mg/Nm^3$ | HDCV/LM-82 | <2,62 | - | **360** | - |
| 6 | Tổng bụi (PM)(a) | $mg/Nm^3$ | US EPA Method 5 | 136 | 19 | **144** | - |
| 7 | $H_2S$(a) | $mg/Nm^3$ | JIS K 0108:2010 | - | <1,5 | **5,4** | - |
| 8 | Methyl mercaptan(c) | $\mu g/Nm^3$ | PD CEN/TS 13649:2014 | - | <0,007 | - | **15** |

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ**
**DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0909 210 925 - 0947 879 866 / Hotline: 0971 846 393 (zalo)
Website: giamsatmoitruong.com.vn/ Email: mtdaiphu@gmail.com

VIMCERTS 292

**Chú thích**/ *Remarks:*
1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
2. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ *The parameters sent to subcontractors.*
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ *Not detected*
"-": Không quy định
4. (1): Cột B, $K_p$=0,9; $K_v$=0,8: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải 20.000 < P ≤ 100.000 và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.
5. (2): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2026*

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**
*Supervised by*

**NGUYỄN CHÍ NHÃ**

**GIÁM ĐỐC**
*Director*

M.S.D.N: 0316800274-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**ĐOÀN THỊ THỦY**

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ**
**DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0909 210 925 - 0947 879 866 / Hotline: 0971 846 393 (zalo)
Website: giamsatmoitruong.com.vn/ Email: mtdaiphu@gmail.com

VIMCERTS 292

Mã số/ Ref. No: 05579/2026/PKQ (26.4053)

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

*TEST REPORT*

**1. Tên khách hàng/** *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**

**2. Địa điểm lấy mẫu/** *Sampling location*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP LỐP RADIAL - Xưởng Radial: Thửa Đất số 154, Tờ Bản Đồ số 59, Khu Phố Uyên Hưng 7, Phường Tân Uyên, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**3. Loại mẫu/** *Type of sample*: Không khí xung quanh

**4. Thông tin mẫu/** *Sample information*:

| **Mã số mẫu/** *Sample code* | **Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/** *Sampling locations* | **Tọa độ/** *Coordinate* |
|---|---|---|
| **26.4053.K.01** | Khu vực cổng | X=1226789, Y=611536 |
| **26.4053.K.03** | Khu vực hệ thống xử lý nước thải | X=1226657, Y=611607 |

**5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu)** */Sample date (Sample receipt)*: 16/06/2026

**6. Ngày trả kết quả/** *Returning results date*: 15/07/2026

**7. Bảng kết quả/** *Results table*

| **STT/** *No.* | **Thông số/** *Parameters* | **Đơn vị/** *Unit* | **Phương pháp thử nghiệm/** *Testing methods* | **Kết quả/** *Testing result* | | **QCVN không-khí xung quanh** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | **26.4053. K.01** | **26.4053. K.03** | **Trung bình 1 giờ**(1) |
| 1 | Nhiệt độ(a) | °C | QCVN 46:2022/BTNMT | 31,3 | 32 | - |
| 2 | Tiếng ồn(a) | dBA | TCVN 7878-2:2018 | 62,7 | 65,5 | **70**(2) |
| 3 | Tổng bụi lơ lửng (TSP)(a) | µg/Nm³ | TCVN 5067:1995 | 126 | 123 | **300**(3) |
| 4 | $NO_2$(a) | µg/Nm³ | TCVN 6137:2009 | 56 | 59 | **200**(3) |
| 5 | $SO_2$(a) | µg/Nm³ | TCVN 5971:1995 | 54 | 57 | **350**(3) |
| 6 | CO(a) | µg/Nm³ | SOP-H16 | < 9.000 | < 9.000 | **30.000**(3) |
| 7 | $H_2S$(a) | µg/Nm³ | MASA 701 | KPH (MDL=4) | KPH (MDL=4) | **42**(3) |
| 8 | $NH_3$(a) | µg/Nm³ | MASA 401 | KPH (MDL=6) | KPH (MDL=6) | **200**(3) |
| 9 | Mercaptan (tính theo Methyl Mercaptan)(a) | µg/Nm³ | ASTM D2913-20 | KPH (MDL=11) | KPH (MDL=11) | **50**(3) |

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

**Chú thích**/ *Remarks:*
1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
2. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ *Not detected*
   "-": Không quy định
3. (1): Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ.
4. (2): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường (từ 6 giờ - 21 giờ).
5. (3): QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2026*

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**
*Supervised by*

**NGUYỄN CHÍ NHÃ**

**GIÁM ĐỐC**
*Director*

M.S.D.N: 0316800274 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**ĐOÀN THỊ THỦY**

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ**
**DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

Mã số/ Ref. No: 00798.KLV/2026/PKQ (26.4054)

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

*TEST REPORT*

**1. Tên khách hàng/** *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**

**2. Địa điểm lấy mẫu/** *Sampling location*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP LỐP RADIAL - Xưởng Bias: Thửa Đất số 154, Tờ Bản Đồ số 59, Khu Phố Uyên Hưng 7, Phường Tân Uyên, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**3. Loại mẫu/** *Type of sample*: Không khí môi trường làm việc

**4. Thông tin mẫu/** *Sample information*:

| **Mã số mẫu/** *Sample code* | **Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/** *Sampling locations* | **Tọa độ/** *Coordinate* |
|---|---|---|
| **26.4054.KLV.01** | Khu vực cán luyện - lưu hóa | X=1226591, Y=0611772 |
| **26.4054.KLV.02** | Khu vực xưởng đắp lốp | X=1226571, Y=0611871 |
| **26.4054.KLV.03** | Khu vực ép xuất mặt lốp | X=1226605, Y=0611884 |

**5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu)** */Sample date (Sample receipt)*: 16/06/2026

**6. Ngày trả kết quả/** *Returning results date*: 15/07/2026

**7. Bảng kết quả/** *Results table*

| **STT/** *No.* | **Thông số/** *Parameters* | **Đơn vị/** *Unit* | **Phương pháp thử nghiệm/** *Testing methods* | **Kết quả/** *Testing result* | | | **QCVN Không khí KVLV** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | **26.4054. KLV.01** | **26.4054. KLV.02** | **26.4054. KLV.03** | **STEL** |
| 1 | Bụi toàn phần | $mg/m^3$ | QCVN 02:2019/BYT | 0,267 | 0,215 | 0,187 | **8**(1) |
| 2 | $NO_2$ | $mg/m^3$ | TCVN 6137:2009 | 0,061 | 0,06 | 0,059 | **10**(2) |
| 3 | $SO_2$ | $mg/m^3$ | TCVN 5971:1995 | 0,058 | 0,058 | 0,057 | **10**(2) |
| 4 | $H_2S$ | $mg/m^3$ | MASA 701 | KPH (MDL=0,004) | KPH (MDL=0,004) | KPH (MDL=0,004) | **15**(2) |
| 5 | $NH_3$ | $mg/m^3$ | MASA 401 | KPH (MDL=0,006) | KPH (MDL=0,006) | KPH (MDL=0,006) | **25**(2) |
| 6 | CO | $mg/m^3$ | SOP-H16 | < 9 | < 9 | < 9 | **40**(2) |
| 7 | Mercaptan (tính theo Methyl Mercaptan) | $mg/m^3$ | ASTM D2913-20 | KPH (MDL=0,011) | KPH (MDL=0,011) | KPH (MDL=0,011) | **2**(3) |
| 8 | Nhiệt độ | °C | TCVN 5508:2009 | 31,4 | 31,3 | 31,2 | **18 ÷ 32**(4) |
| 9 | Độ ẩm | % | TCVN 5508:2009 | 68,5 | 68,3 | 67,8 | **40 ÷ 80**(4) |
| 10 | Tốc độ gió | m/s | TCVN 5508:2009 | 0,3 | 0,2 | 0,3 | **0,2 ÷ 1,5**(4) |
| 11 | Tiếng ồn | dBA | TCVN 7878-2:2018 | 76,3 | 68,7 | 71,8 | **85**(5) |

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ**
**DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

**Chú thích**/ *Remarks:*
1. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ *Not detected*
2. (1): QCVN 02: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)
3. (2): QCVN 03: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
4. (3): QĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động
5. (4): QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
6. (5): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2026*

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**
*Supervised by*

**NGUYỄN CHÍ NHÃ**

**GIÁM ĐỐC**
*Director*

M.S.D.N:0316800274-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**ĐOÀN THỊ THỦY**

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ**
**DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0909 210 925 - 0947 879 866 / Hotline: 0971 846 393 (zalo)
Website: giamsatmoitruong.com.vn/ Email: mtdaiphu@gmail.com

VIMCERTS 292

**Chú thích**/ *Remarks:*
1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
2. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ *Not detected*
3. (1): Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ.
4. (2): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường (từ 6 giờ - 21 giờ).
5. (3): QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2026*

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**
*Supervised by*

**NGUYỄN CHÍ NHÃ**

**GIÁM ĐỐC**
*Director*

M.S.D.N: 0316800274 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**ĐOÀN THỊ THỦY**

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ**
**DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0909 210 925 - 0947 879 866 / Hotline: 0971 846 393 (zalo)
Website: giamsatmoitruong.com.vn/ Email: mtdaiphu@gmail.com

VIMCERTS 292

Mã số/ Ref. No: 05574/2026/PKQ (26.4054)

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

*TEST REPORT*

**1. Tên khách hàng/** *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**

**2. Địa điểm lấy mẫu/** *Sampling location*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP LỐP RADIAL - Xưởng Bias: Thửa Đất số 154, Tờ Bản Đồ số 59, Khu Phố Uyên Hưng 7, Phường Tân Uyên, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**3. Loại mẫu/** *Type of sample*: Không khí xung quanh

**4. Thông tin mẫu/** *Sample information*:

| **Mã số mẫu/** *Sample code* | **Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/** *Sampling locations* | **Tọa độ/** *Coordinate* |
|---|---|---|
| **26.4054.K.01** | Khu vực cổng bảo vệ | X=1226589, Y=0611634 |

**5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu)** */Sample date (Sample receipt)*: 16/06/2026

**6. Ngày trả kết quả/** *Returning results date*: 15/07/2026

**7. Bảng kết quả/** *Results table*

| **STT/** *No.* | **Thông số/** *Parameters* | **Đơn vị/** *Unit* | **Phương pháp thử nghiệm/** *Testing methods* | **Kết quả/** *Testing result* | **QCVN không khí xung quanh** |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | **26.4054.K.01** | **Trung bình 1 giờ**(1) |
| 1 | Tiếng ồn(a) | dBA | TCVN 7878-2:2018 | 53,7 | **70**(2) |
| 2 | Tổng bụi lơ lửng (TSP)(a) | µg/Nm$^3$ | TCVN 5067:1995 | 128 | **300**(3) |
| 3 | $NO_2$(a) | µg/Nm$^3$ | TCVN 6137:2009 | 56 | **200**(3) |
| 4 | $SO_2$(a) | µg/Nm$^3$ | TCVN 5971:1995 | 54 | **350**(3) |
| 5 | CO(a) | µg/Nm$^3$ | SOP-H16 | < 9.000 | **30.000**(3) |
| 6 | $H_2S$(a) | µg/Nm$^3$ | MASA 701 | KPH (MDL=4) | **42**(3) |
| 7 | $NH_3$(a) | µg/Nm$^3$ | MASA 401 | KPH (MDL=6) | **200**(3) |
| 8 | Mercaptan (tính theo Methyl Mercaptan)(a) | µg/Nm$^3$ | ASTM D2913-20 | KPH (MDL=11) | **50**(3) |

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ**
**DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0909 210 925 - 0947 879 866 / Hotline: 0971 846 393 (zalo)
Website: giamsatmoitruong.com.vn/ Email: mtdaiphu@gmail.com

VIMCERTS 292

Mã số/ Ref. No: 05576/2026/PKQ (26.4054)

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

*TEST REPORT*

**1. Tên khách hàng/** *Client's Name*: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**

**2. Địa điểm lấy mẫu/** *Sampling location*: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP LỐP RADIAL - Xưởng Bias: Thửa Đất số 154, Tờ Bản Đồ số 59, Khu Phố Uyên Hưng 7, Phường Tân Uyên, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**3. Loại mẫu/** *Type of sample*: Nước thải

**4. Thông tin mẫu/** *Sample information*:

| **Mã số mẫu/** *Sample code* | **Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/** *Sampling locations* | **Tọa độ/** *Coordinate* |
|---|---|---|
| **26.4054.NT.01** | Tại đầu ra hệ thống XLNT | X=1226629, Y=0611616 |

**5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu)** */Sample date (Sample receipt)*: 16/06/2026

**6. Ngày trả kết quả/** *Returning results date*: 15/07/2026

**7. Bảng kết quả/** *Results table*

| **STT/** *No.* | **Thông số/** *Parameters* | **Đơn vị/** *Unit* | **Phương pháp thử nghiệm/** *Testing methods* | **Kết quả/** *Testing result* | **QCVN 40:2011/BTNMT** |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | **26.4054.NT.01** | **Cmax(1)** |
| 1 | pH(a) | - | TCVN 6492:2011 | 7,48 | **6 ÷ 9** |
| 2 | TSS(a) | mg/L | TCVN 6625:2000 | <9,5 | **49,5** |
| 3 | COD(a) | mg/L | SMEWW 5220C:2023 | 27,2 | **74,25** |
| 4 | $BOD_5$(a) | mg/L | TCVN 6001-1:2021 | 11,6 | **29,7** |
| 5 | Amoni ($NH_4^+$ tính theo N)(a) | mg/L | SMEWW 4500-$NH_3$.B&C:2023 | <3 | **4,95** |
| 6 | Tổng Nito(a) | mg/L | TCVN 6638:2000 | 14 | **19,8** |
| 7 | Tổng Phosphor(a) | mg/L | TCVN 6202:2008 | 0,35 | **3,96** |
| 8 | Tổng dầu mỡ khoáng(a) | mg/L | SMEWW 5520B&F:2023 | KPH (MDL=1) | **4,95** |
| 9 | Coliform(a) | MPN/ 100mL | SMEWW 9221B:2023 | 240 | **3.000** |

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

**Chú thích**/ *Remarks:*
1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
2. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ *Not detected*
3. (1): Cột A, $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,1$

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2026*

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**
*Supervised by*

**NGUYỄN CHÍ NHÃ**

**GIÁM ĐỐC**
*Director*

M.S.D.N: 0316800274-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**ĐOÀN THỊ THỦY**